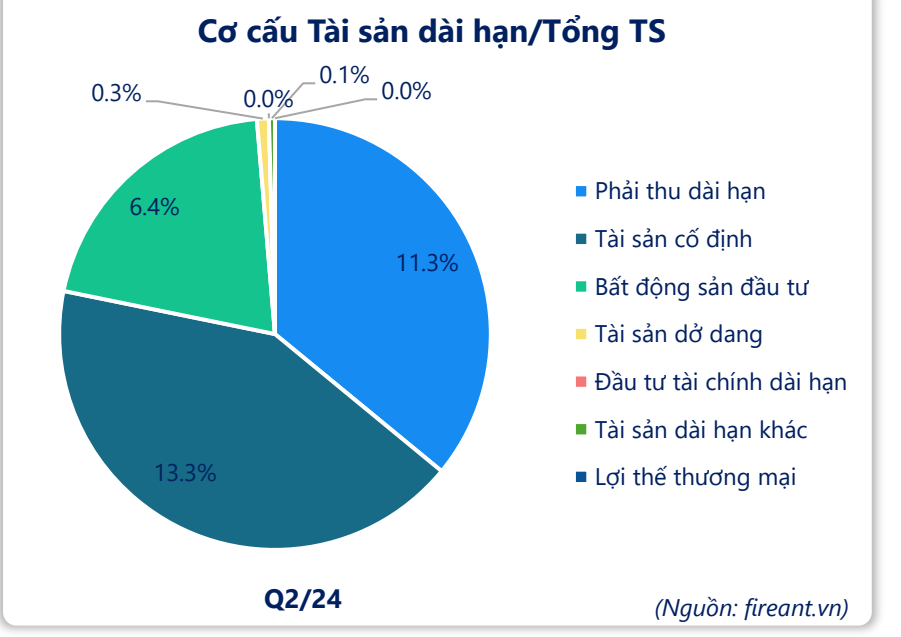
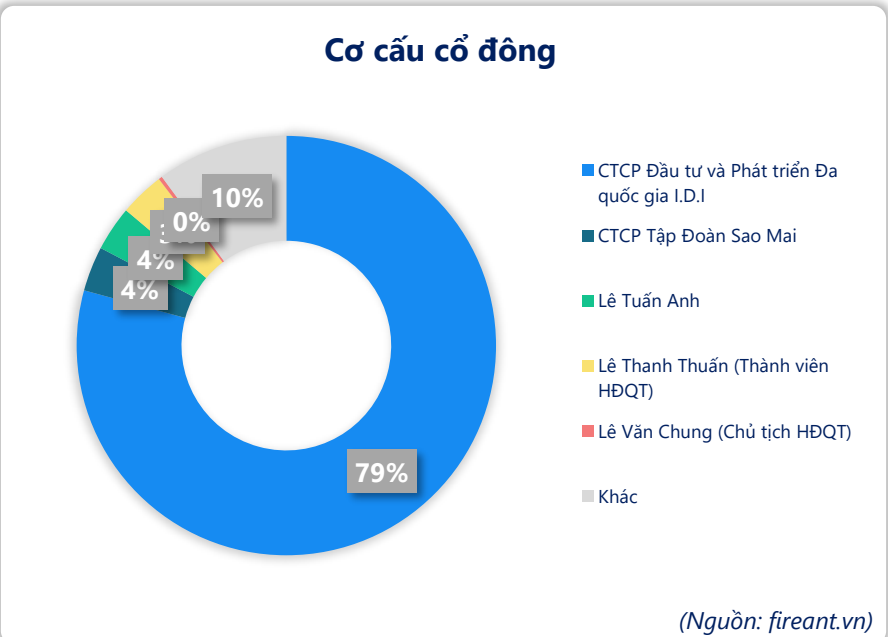
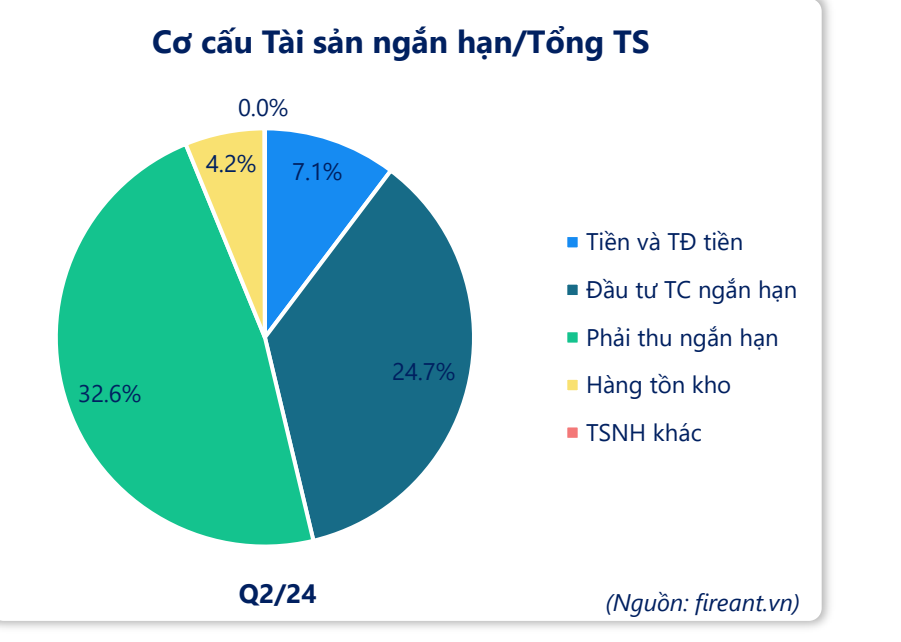
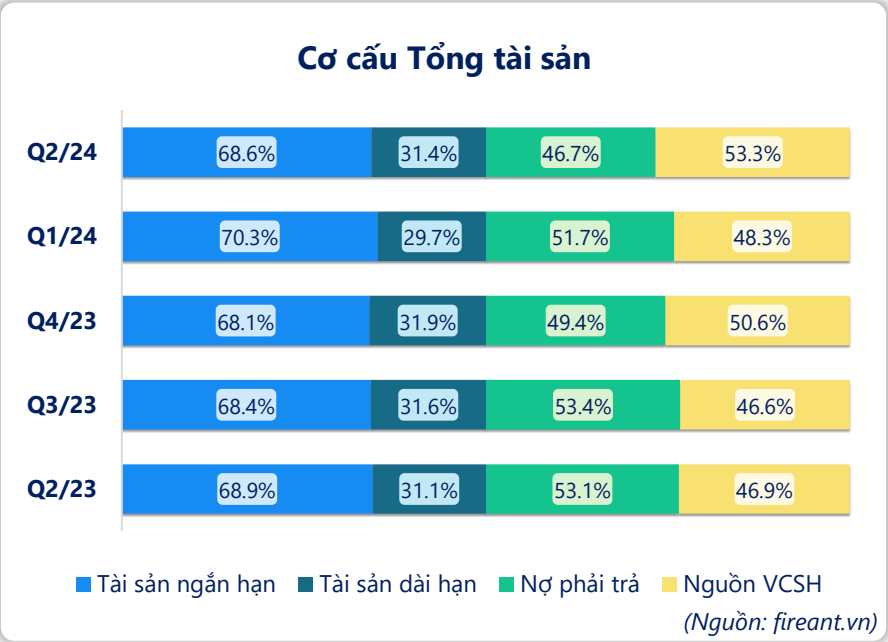
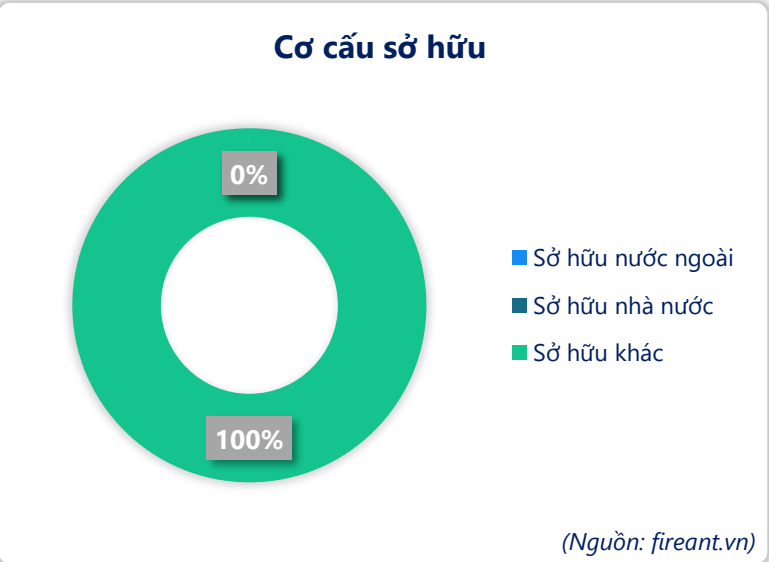
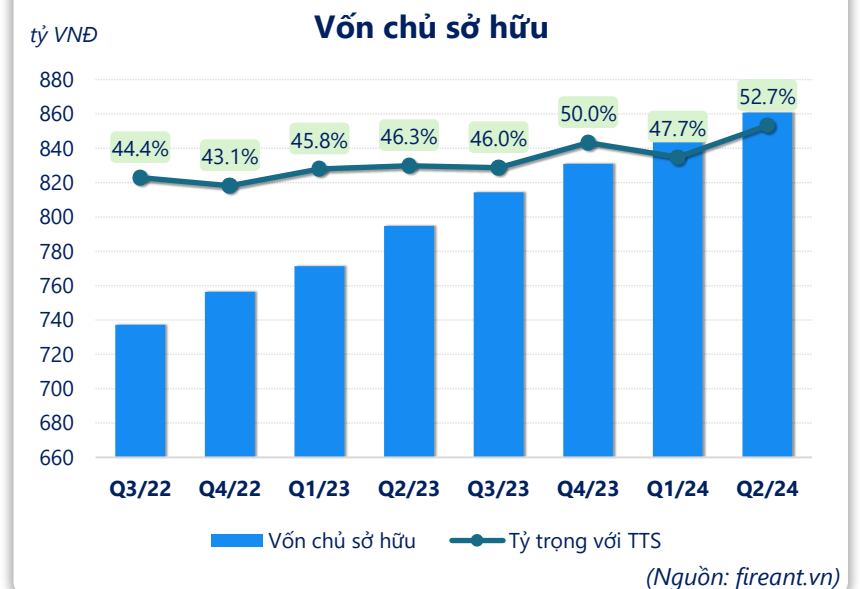
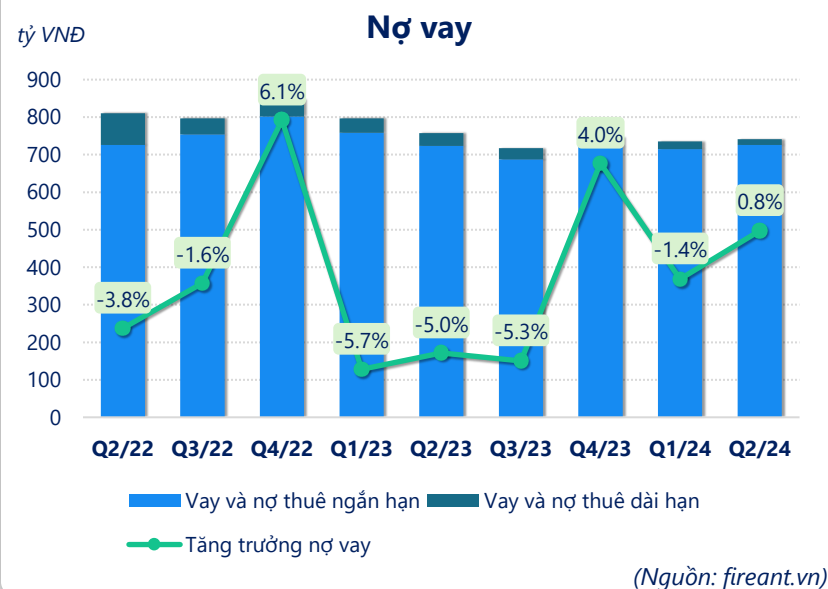
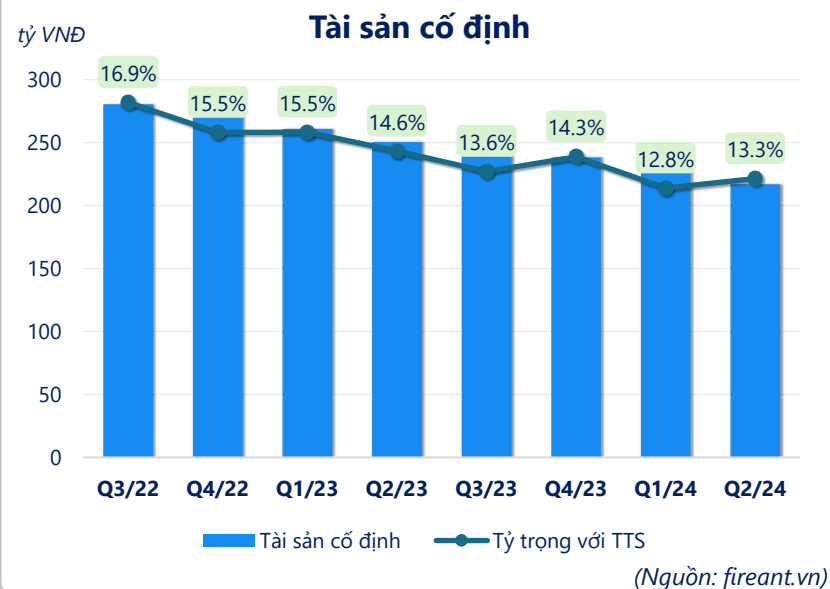
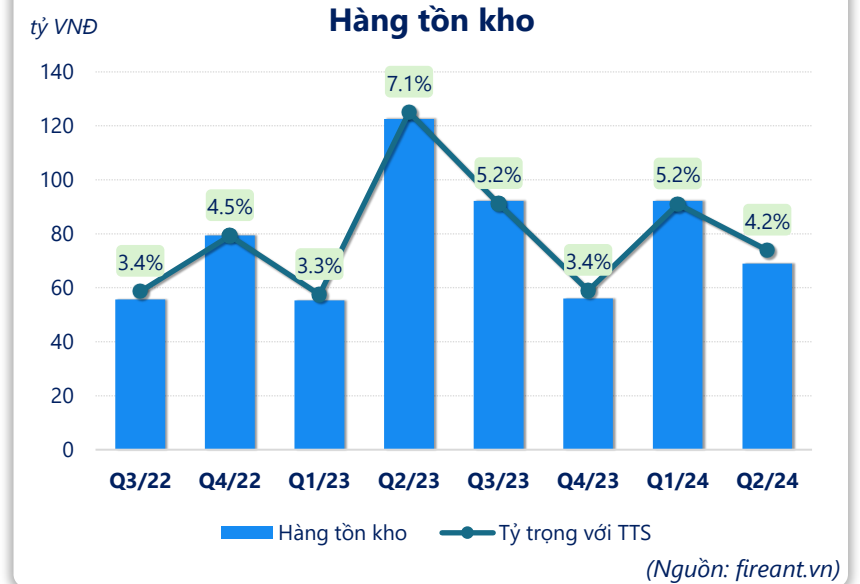
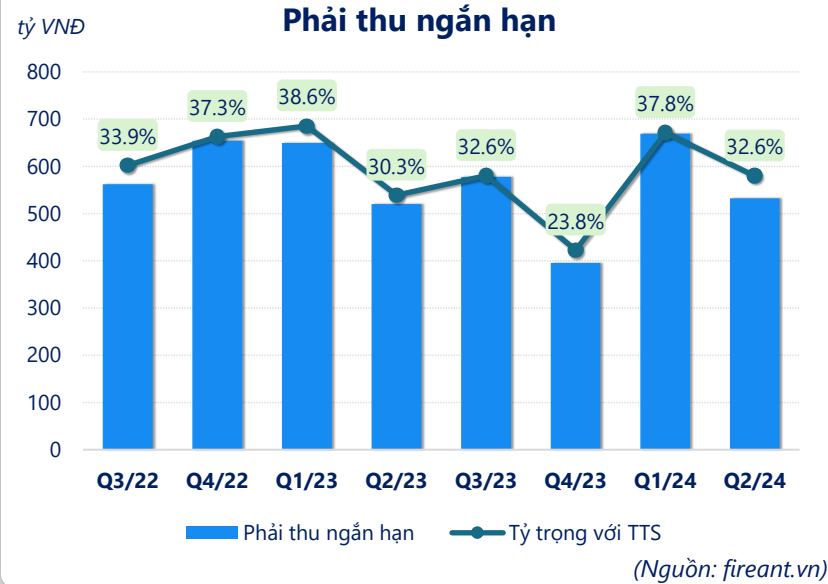
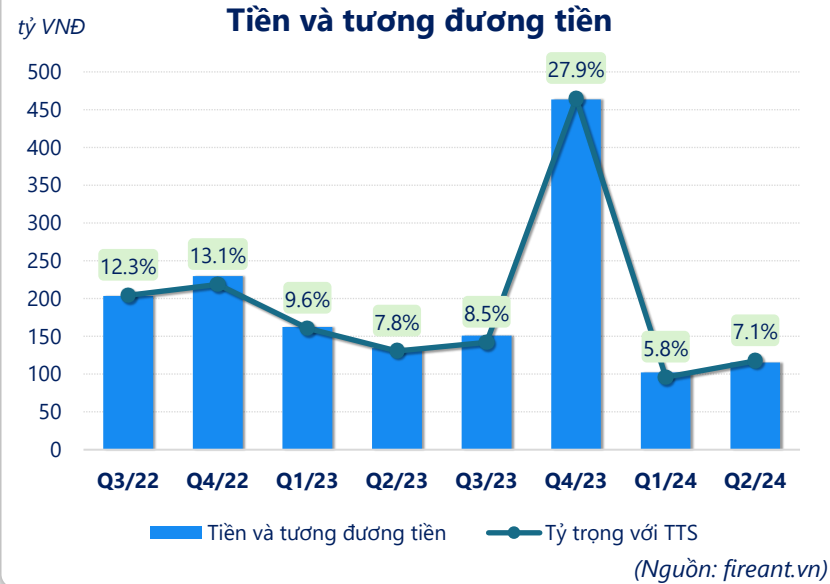
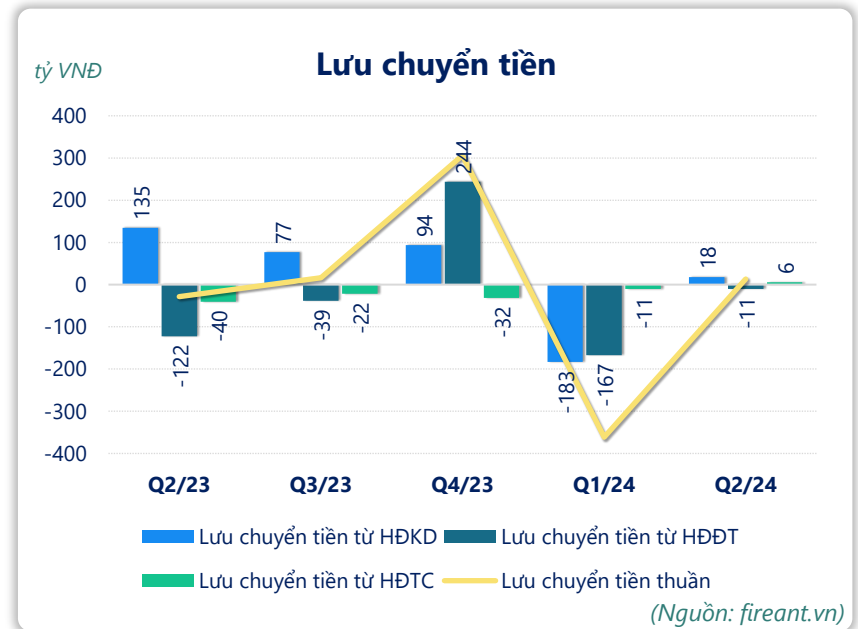
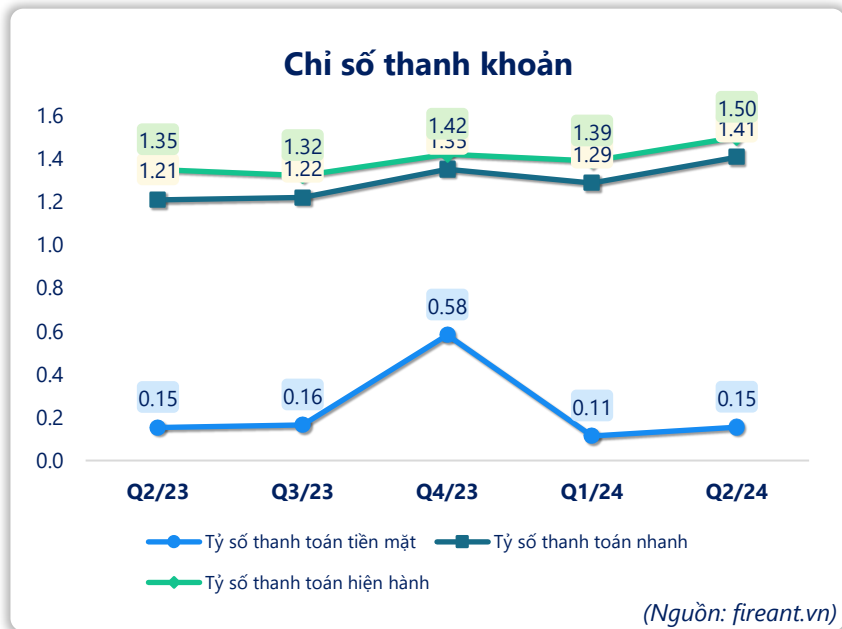
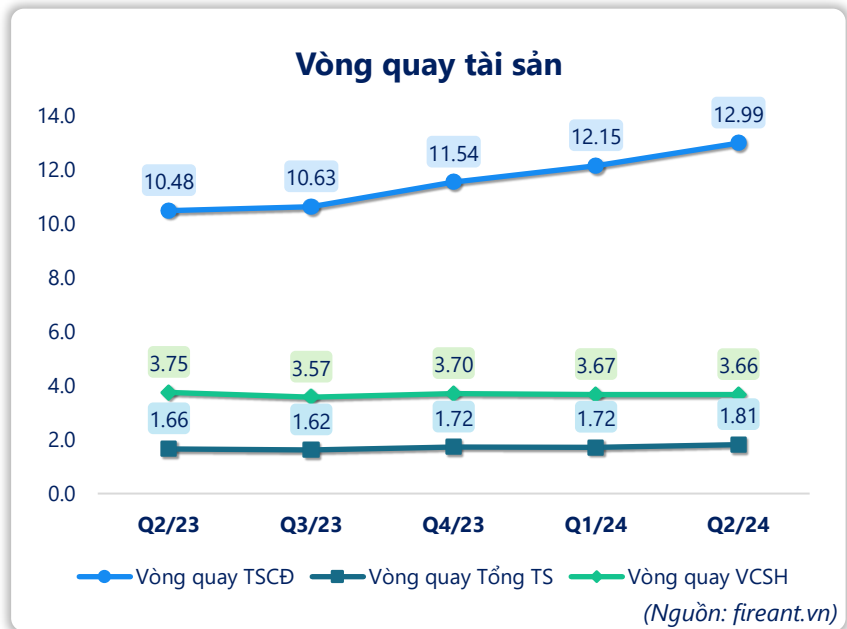
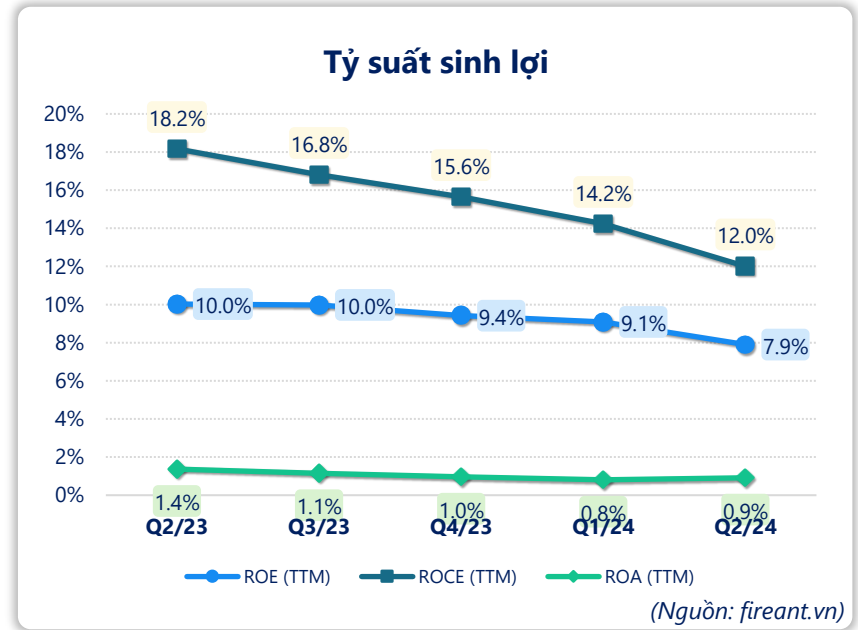
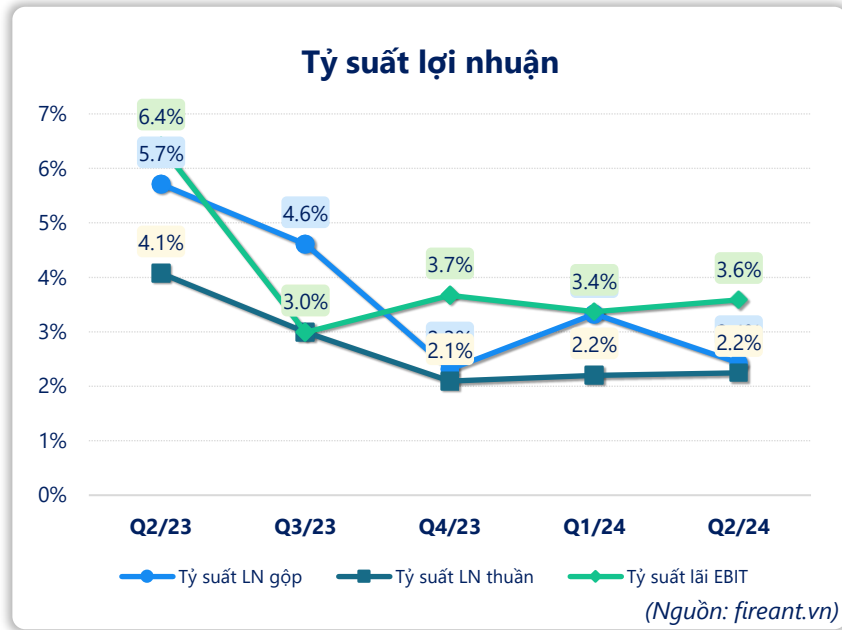
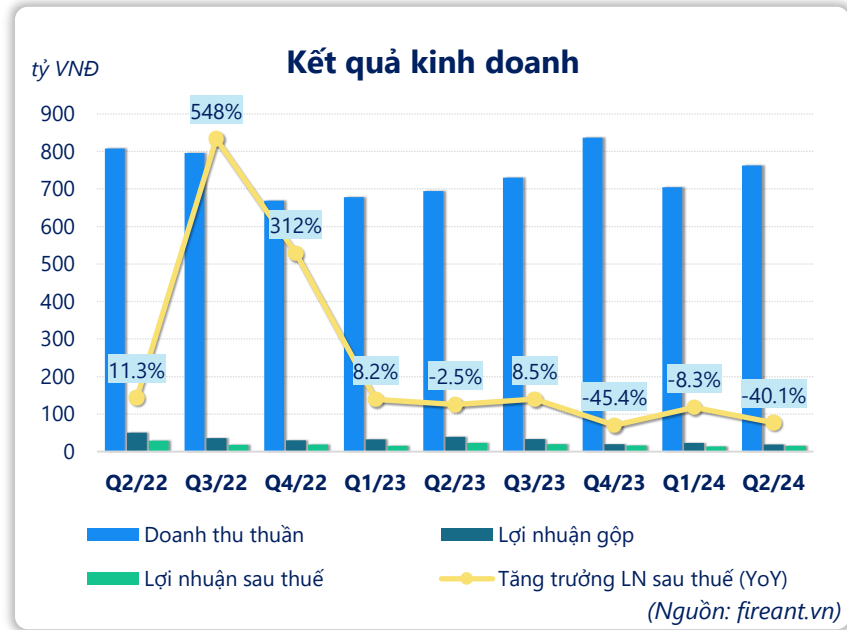


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		9,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,364
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,091
SL cổ phiếu LH		62,935,104
KLGD BQ 20 phiên (CP)		101,807
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		610
P/E		9.3
EPS		1,039

	YTD	1T	3T	6T
DAT	15.1%	13.5%	6.7%	16.6%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,633	1,663	-1.8%
Tài sản ngắn hạn	1,120	1,132	-1.1%
Tiền và tương đương tiền	115	463	-75.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	403	217	86.0%
Phải thu ngắn hạn	532	395	34.8%
Hàng tồn kho	69.0	56.7	21.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.28	0.03	894%
Tài sản dài hạn	513	531	-3.3%
Phải thu dài hạn	185	176	4.9%
Tài sản cố định	217	238	-8.9%
Bất động sản đầu tư	105	109	-3.8%
Tài sản dở dang	4.55	4.45	2.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	2.33	3.12	-25.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	762	821	-7.2%
Nợ ngắn hạn	746	796	-6.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	726	721	0.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	11.7	58.1	-79.8%
Nợ dài hạn	15.7	25.0	-37.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	15.7	25.0	-37.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	871	842	3.5%
Vốn chủ sở hữu	861	831	3.5%
Vốn điều lệ	629	629	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	10.3	10.3	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	695	730	837	705	762
Giá vốn hàng bán	655	696	817	681	744
Lợi nhuận gộp	39.7	33.6	19.3	23.4	18.5
Doanh thu HĐTC	13.9	4.41	25.5	3.07	13.8
Chi phí TC	20.0	12.4	18.6	8.24	10.7
Chi phí lãi vay	18.1	0	13.2	8.22	10.2
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.41	1.51	3.11	1.09	1.35
Chi phí QLDN	2.81	2.29	5.56	1.66	3.20
LN thuần từ HĐKD	28.3	21.8	17.5	15.5	17.1
Lợi nhuận khác	-1.92	0	0	0.00	0.01
LN trước thuế	26.4	21.8	17.5	15.5	17.1
Lợi nhuận sau thuế	23.4	19.6	16.4	14.0	15.3
LNST của CĐ cty mẹ	23.4	19.6	16.4	14.0	15.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	135	77.0	93.7	-183	17.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-122	-38.6	244	-167	-10.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-40.4	-21.9	-31.6	-10.6	5.88
Tiền đầu kỳ	162	134	151	463	102
Lưu chuyển tiền thuần	-28.2	16.4	306	-361	13.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0.09	0.26	6.45	0	0.02
Tiền cuối kỳ	134	151	463	102	115

(Nguồn: fireant.vn)